

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - C
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST.

Ngày 26-12-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Ngô Song Việt – CT. Công đoàn Trường THPT Ngô Mây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - C xét xử sơ thẩm kín trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/HSST-QĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân A**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 11 năm 2002; CCCD số: 052202010493, cấp ngày 18/3/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi thường trú: Thôn D, xã B, tỉnh C; nơi ở hiện tại: Thôn E, xã B, tỉnh C; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Hữu R1 (sinh năm 1968) và bà: Nguyễn Thị R (sinh năm 1968); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, tỉnh C từ ngày 18/8/2025 cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

** Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Cao T; sinh năm: 2007; nơi cư trú: Khu vực Q, phường J, tỉnh C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

2. Cháu Đoàn Ngọc G; sinh ngày: 15/02/2009; nơi cư trú: Khu vực W, phường J, tỉnh C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

** Người đại diện theo pháp luật của bị hại Đoàn Ngọc G:*

1. Ông Đoàn Ngọc P; sinh năm: 1975 (cha ruột G) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

2. Bà Bùi Thị N; sinh năm: 1978 (mẹ ruột G) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

Đồng cư trú: Khu vực W, phường J, tỉnh C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thanh L; sinh năm: 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

2. Bà Nguyễn Thị R; sinh năm: 1968 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/12/2025).

Đồng cư trú: Thôn E, xã B, tỉnh C.

** Người làm chứng:*

Ông Trần Đức Z; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn X, xã V, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 01/5/2025, Nguyễn Xuân A (sinh năm 2002) (nơi ở hiện tại nay là thôn E, xã B, tỉnh C) điều khiển xe mô tô biển số 77E1-307.13 (xe của chị Nguyễn Thanh L – là chị ruột của A, sinh năm 1993, nay ở thôn E, xã B, tỉnh C) chở bà Nguyễn Thị R – là mẹ ruột của A (sinh năm 1968, ở cùng thôn) đi từ nhà đến khu phố X, thị trấn V, huyện B, tỉnh I (nay là thôn X, xã V, tỉnh C) để tắm biển. Đến khoảng 05 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi tắm xong A ngồi hút thuốc đối diện bãi giữ xe của nhà ông Trần Đức Z (sinh năm 1970, nay ở thôn X, xã V, tỉnh C) chờ mẹ ruột là bà R thì thấy Nguyễn Cao T (sinh năm 2007, nay ở khu vực Q, phường J, tỉnh C) điều khiển xe mô tô 77AD-088.05 chở

Đoàn Ngọc G (sinh ngày 15/02/2009, nay ở khu vực W, phường J, tỉnh C) đến gửi xe tại bãi giữ xe của ông Z. Lúc này, A quan sát thấy T và G bỏ tài sản cá nhân vào cốp xe mô tô nhưng không đóng cốp xe lại nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi thấy T và G đi tắm biển, A lén lút đến mở cốp xe và trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2027 màu xanh dương, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu Z và số tiền 220.000 đồng bỏ vào túi quần rồi về lại chỗ để xe chờ bà R rồi sau đó về nhà. Sau khi tắm xong, T và G phát hiện mất trộm nên báo Công an xã V, tỉnh C. Qua xác minh làm việc, Nguyễn Xuân A đã giao nộp các tài sản đã trộm cắp được gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh dương, dung lượng 64GB; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu Z, dung lượng 128GB và số tiền 220.000 đồng.

* Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh I ngày 11/6/2025: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh dương có giá 825.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu Z có giá 8.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản (02 điện thoại) tại thời điểm xảy ra trộm cắp là: 9.075.000 đồng.

Vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Xuân A đã chiếm đoạt tại thời điểm trộm cắp là: 9.295.000 đồng.

* *Về vật chứng vụ án:* Đã tạm giữ và xử lý trả lại:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh dương và số tiền 220.000 đồng cho người bị hại anh Nguyễn Cao T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu Z cho Đoàn Ngọc G.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại Nguyễn Cao T và Đoàn Ngọc G đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu thêm gì về phần dân sự. Quá trình điều tra, người bị hại Nguyễn Cao T và Đoàn Ngọc G đều có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Xuân A.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSKV3, ngày 21/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A với mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng đối với bị cáo Nguyễn Xuân A.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Nguyễn Xuân A đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được tiếp tục học tập và trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Xuân A đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2027, màu xanh dương và số tiền 220.000 đồng của Nguyễn Cao T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu Z của Đoàn Ngọc G vào khoảng 05 giờ 50 phút ngày 01/5/2025 tại bãi giữ xe của nhà ông Trần Đức Z (sinh năm 1970, nay ở thôn X, xã V, tỉnh C). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Xuân A đã chiếm đoạt tại thời điểm trộm cắp là: 9.295.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C truy tố bị cáo Nguyễn Xuân A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của Nguyễn Xuân A là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Xuân A phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, các bị hại đều có đơn xin bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo A. Do đó Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết trên, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo A.

Xét thấy, bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, hiện đang là sinh viên học tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Hồ Chí Minh vẫn chưa tốt nghiệp, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo và các tình tiết trên, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, nghĩ

cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Xuân A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A **12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm: 26.12.2025.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân A cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân A phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - C;
- VKSND tỉnh C;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh C;
- Phòng THADS khu vực 3 - C;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ